TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2023/DS-ST
Ngày: 21-7-2023
"V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI,
TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Phạm Thị Thi**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Văn Truyện**

Bà **Hồ Thị Thủy**

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Xuân Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Phan Hoàng Yến** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2023, về việc *"Tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2023/QDST- DS ngày 05 tháng 7 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: **Huỳnh Tuấn D**, sinh năm 1991.

Chủ hộ kinh doanh cửa hàng T4.

Địa chỉ: Số A, Phạm Ngọc T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

- Bị đơn: **Lê Thị H**, sinh năm 1960.

Trương Hoàng H1, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Võ Văn H2, sinh năm 1981.

Chủ hộ kinh doanh cửa hàng T4.

Địa chỉ: Khóm B, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh Duy, anh H2 có đơn xin xét xử vắng mặt;
bà H, anh H1 vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại tờ tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được, đơn xin vắng mặt phiên tòa anh Huỳnh Tuấn D trình bày:*

Anh là chủ hộ kinh doanh cửa hàng T4 (Gọi tắt là: Cửa hàng) chuyên bán thức ăn, hiện nay Cửa hàng của anh vẫn còn hoạt động bình thường. Vào ngày 01/10/2022, anh và anh Võ Văn H2 có thỏa thuận là anh H2 sẽ chuyển giao toàn bộ các khoản nợ của khách hàng anh H2 qua cho anh và anh được toàn quyền quyết định các khoản nợ này. Trước ngày 01/01/2020, anh Trương Hoàng H1 nhiều lần mua thức ăn của anh H2 (chủ hộ kinh doanh cửa hàng T4) để chăn nuôi ếch (cụ thể thời gian từng lần không nhớ). Đến ngày 01/01/2020, hai bên chốt nợ thì anh H1 còn nợ tiền thức ăn của anh H2 tổng cộng là 13.000.000 đồng, có giấy xác nhận nợ. Đối với toàn bộ chữ viết, chữ ký và chữ viết ghi họ và tên Lê Thị H, Trương Hoàng H1 trong giấy xác nhận nợ mà anh cung cấp cho Tòa án là do bà H ký tên và viết ra. Do anh H1 không có ở nhà nên mẹ anh H1 là bà H ký và viết họ tên thay cho anh H1.

Sau đó, anh H1 có trả được thêm số tiền là 5.000.000 đồng (không nhớ thời gian trả), còn nợ lại 8.000.000 đồng. Nay anh xác định lại là bà H không có mua thức ăn gì của anh H2 mà anh H1 là người mua, nguyên nhân bà H ký tên xác nhận nợ là do bà H là mẹ của anh H1.

Theo đơn khởi kiện thì anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H và anh H1 liên đới trả cho anh – Chủ hộ kinh doanh cửa hàng T4 số tiền mua thức ăn còn nợ gốc là 13.000.000 đồng và tiền lãi là 2.990.000 đồng (với mức lãi suất là 1%/tháng, 1 tháng 130.000 đồng x 23 tháng = 2.990.000 đồng), tổng cộng là 15.990.000 đồng.

Tại phiên hòa giải và đơn xin vắng mặt phiên tòa, anh xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là nay anh chỉ yêu cầu buộc anh H1 trả cho anh số tiền mua thức ăn còn nợ gốc là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Anh không yêu cầu bà H cùng liên đới trả nợ với anh H1.

Ngoài ra, anh D không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

** Theo ý kiến tại tờ tự khai, biên bản lấy lời khai anh Trương Hoàng H1 trình bày:*

Khoảng năm 2019, anh nhiều lần mua thức ăn chăn nuôi ếch của Hộ kinh doanh cửa hàng T4 (còn gọi là Cửa hàng T4) do anh H2 làm chủ (thời gian từng lần mua anh không nhớ).

Đến khoảng năm 2021, mẹ anh là bà H có ký giấy xác nhận nợ (ngày, tháng ký không nhớ) còn nợ anh H2 tiền mua thức ăn là 13.000.000 đồng. Anh thừa nhận chữ ký và chữ viết ghi họ và tên Lê Thị H, Trương Hoàng H1 trong

giấy xác nhận nợ mà nguyên đơn nộp do bà H ký và viết, vì lúc đó anh không có nhà, nhưng anh thừa nhận có nợ số tiền 13.000.000 đồng này. Anh là người mua thức ăn của anh H2, mẹ anh không có mua, bà H ký tên thay anh để xác nhận là anh có nợ số tiền 13.000.000 đồng. Khoảng giữa năm 2021, mẹ anh đã trả được 5.000.000 đồng, khi trả không làm giấy tờ gì, còn nợ lại 8.000.000 đồng và anh đồng ý trả số tiền này.

Ngoài ra, anh H1 không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

* Bị đơn bà Lê Thị H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản ý kiến hay yêu cầu gì.

** Theo ý kiến tại văn bản ý kiến anh Võ Văn H2 trình bày:* Vào ngày 01/10/2022, anh và anh D có làm tờ thỏa thuận chuyển giao quyền thu hồi nợ, chữ ký, chữ viết ghi họ và tên Võ Văn H2 trong tờ thỏa thuận này là của anh, theo đó các khoản nợ mà khách hàng nợ bên anh (trong đó có khoản nợ của bà H, anh H1) sẽ chuyển giao lại toàn bộ cho anh D. Anh D được toàn quyền quyết định đối với các khoản nợ này. Đối với việc chuyển giao này thì anh đã thông báo bằng miệng cho khách hàng. Đồng thời, anh cam kết sẽ không tranh chấp các khoản nợ này về sau với khách hàng trên. Đối với vụ án này anh không có yêu cầu gì.

Ngoài ra, anh H2 không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười*:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành tốt pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến tại thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, cũng như việc chấp hành các quy định về tố tụng dân sự và thực hiện các quyền, nghĩa vụ về tố tụng dân sự của các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật; Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Tuấn D (Chủ Hộ kinh doanh cửa hàng T4) về yêu cầu bà H cùng liên đới với anh H1 trả nợ.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Tuấn D (Chủ Hộ kinh doanh cửa hàng T4) về nợ gốc 5.000.000 đồng và lãi suất.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Tuấn D (Chủ Hộ kinh doanh cửa hàng T4), buộc anh H1 có trách nhiệm trả cho anh D 8.000.000 đồng, không tính lãi suất.

** Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:*

- Nguyên đơn nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

+ Đơn khởi kiện tên Huỳnh Tuấn D (Bản chính).

+ Tờ tự khai tên Huỳnh Tuấn D (Bản chính).

+ Căn cước công dân (Bản sao).

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Bản sao).

+ Giấy xác nhận nợ không ghi ngày tháng năm (Bản photo, bản chính).

+ Tờ thỏa thuận chuyển giao quyền thu hồi nợ ghi ngày 01/10/2022 (Bản chính).

+ Đơn xin vắng mặt phiên tòa (bản chính).

- Bị đơn nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

+ T1 khai tên Trương Hoàng H1 (bản chính).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

+ Văn bản ý kiến tên Võ Văn H2 (Bản chính).

+ Đơn xin hòa giải, xét xử vắng mặt tên Võ Văn H2 (bản chính).

- Tại liệu, chứng cứ Tòa án thu thập gồm:

+ Biên bản lấy lời khai tên Trương Hoàng H1 (bản chính).

Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ đã được công khai theo biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 02 tháng 6 năm 2023 và tại phiên tòa.

** Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất*: Không.

** Các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự không thống nhất:* Toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh H1 trả số tiền mua thức ăn còn nợ gốc là 8.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, các đương sự không ai có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền, Hội đồng xét xử xét thấy: Tranh chấp trên giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về rút một phần yêu cầu khởi kiện:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/11/2022, anh D yêu cầu anh H1 và bà H liên đới trả số tiền mua thức ăn còn nợ gốc là 13.000.000 đồng và lãi là 2.990.000 đồng, tại phiên hòa giải và đơn xin vắng mặt phiên tòa anh D xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc là 5.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và không yêu cầu bà H cùng liên đới với anh H1 trả nợ. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của anh D là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả số tiền gốc 5.000.000 đồng, tiền lãi là 2.990.000 đồng và yêu cầu bà H cùng liên đới trả nợ là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2023/QĐST-DS ngày 05/7/2023 của Tòa án thì Hội thẩm nhân dân chính thức là ông Đào Văn H3, bà Nguyễn Thị Hồng N. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay do ông H3 và bà N bận công tác đột xuất nên không thể tham gia phiên tòa thay thế bằng bà Hồ Thị T2 và ông Trần Văn T3 là Hội thẩm nhân dân dự khuyết. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[1.5] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh H2 có đơn xin vắng mặt; bị đơn bà H, anh H1 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H, anh H1, anh D và anh H2.

[2] Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh D yêu cầu buộc anh H1 trả cho anh D số tiền mua thức ăn còn nợ gốc là 8.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Anh D cho rằng trước ngày 01/01/2020, anh H1 nhiều lần mua thức ăn của anh H2 chủ hộ kinh doanh cửa hàng T4 và còn nợ số tiền 13.000.000 đồng. Sau đó, anh H1 có trả được 5.000.000 đồng, còn nợ lại 8.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Xét thấy, lời trình bày trên là có cơ sở và việc anh H2 có bán thức ăn cho anh H1 là có thật, vì tại ý kiến tại tờ tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 07/4/2023, anh H1 thừa nhận có mua thức ăn của anh H2 nhiều lần, hai bên có chốt nợ và anh thừa nhận còn nợ số tiền 13.000.000 đồng, sau đó anh có trả được 5.000.000 đồng, còn nợ 8.000.000 đồng. Ngoài ra, tại văn bản ý kiến ngày 20/4/2023 anh H2 thừa nhận vào ngày 01/10/2022, anh H2 và anh D có làm tờ thỏa thuận chuyển giao quyền thu hồi nợ và chữ ký, chữ viết ghi họ và tên Võ Văn H2 trong tờ thỏa thuận này là của anh H2, theo đó các khoản nợ mà khách hàng nợ bên anh H2 (trong đó có khoản nợ của anh H1) sẽ chuyển giao lại toàn bộ cho anh D. Anh D được toàn quyền quyết định đối với các khoản nợ này.

Đối với anh H1 đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Anh D không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Tại phiên không tiến hành hòa giải được thì đương sự có mặt xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra thì đương sự có mặt không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác. Ngoài ra, cũng không còn yêu cầu gì khác.

[4] Về án phí:

- Anh D1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho anh D1 tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

- Anh H1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Từ những phân tích như trên, xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười là có căn cứ và phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 365, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Tuấn D - Chủ hộ kinh doanh cửa hàng T4, đối với yêu cầu bà Lê Thị H cùng liên đới trả nợ với anh Trương Hoàng H1.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Tuấn D - Chủ hộ kinh doanh cửa hàng T4, đối với yêu cầu anh Trương Hoàng H1 trả số tiền gốc là 5.000.000 đồng và tiền lãi là 2.990.000 đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Tuấn D - Chủ hộ kinh doanh cửa hàng T4.

Buộc anh Trương Hoàng H1 trả cho anh Huỳnh Tuấn D – Chủ hộ kinh doanh cửa hàng T4 số tiền mua thức ăn còn nợ gốc là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành xong.

4. Về án phí:

- Anh Huỳnh Tuấn D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho anh Huỳnh Tuấn D - Chủ hộ kinh doanh cửa hàng T4 số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số 0016989, ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Anh Trương Hoàng H1 phải chịu 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- VKS huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- Lưu hồ sơ vụ án: (Hoàng).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Phạm Thị Thi